

TOÀ ÁN NHÂN DÂN CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
THÀNH PHỐ B
TỈNH BẮC GIANG.

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 25/2019/KDTM-ST

Ngày 17 tháng 12 năm 2019

V/v “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*”

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ B, TỈNH BẮC GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Chuyên

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Phạm Thị Thu

2. Ông Nguyễn Văn Bảng

- Thư ký phiên tòa: Bà Tống Lan Hương- Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố B, tỉnh Bắc Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố B, tỉnh Bắc Giang tham gia phiên tòa: Bà Đặng Minh Hà- Kiểm sát viên.

Trong ngày 17/12/2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố B xét xử sơ thẩm công khai vụ án kinh doanh thương mại thụ lý số 25/2019/TLST-KDTM ngày 23 tháng 8 năm 2019 về việc “*Tranh chấp Hợp đồng tín dụng*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 23/2019/QĐXXST-KDTM ngày 04 tháng 11 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 25/2019/QĐST-KDTM ngày 27/11/2019 giữa các đương sự:

* Nguyên đơn: Ngân hàng X.

Địa chỉ: Số 28C-28D phố B, quận H, thành phố Hà Nội

Đại diện theo ủy quyền tham gia tố tụng:

1. Bà Ngô Thị N - Chức vụ: Chuyên viên xử lý nợ Công ty TNHH Quản lý nợ và Khai thác tài sản Ngân hàng X.

2. Ông Mai Anh T - Chức vụ: Chuyên viên xử lý nợ Công ty TNHH Quản lý nợ và Khai thác tài sản Ngân hàng X.

3. Ông Hoàng Văn H, sinh năm 1987.

Địa chỉ: Số nhà 15, đường H, thành phố B, tỉnh Bắc Giang.

* Bị đơn:

1. Chị Nguyễn Thị Q, sinh năm 1983.

Địa chỉ: Số nhà 07, ngách 03, tổ dân phố số 6, phường T, thành phố B, tỉnh Bắc Giang.

2. Anh Dương Bảo M, sinh năm 1983.

Địa chỉ: Số nhà 44, tổ dân phố số 3, phường M, thành phố B, tỉnh Bắc Giang.

(Ông H có mặt, bà N, ông T, chị Q và anh M vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 19/7/2019, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa thì nguyên đơn là Ngân hàng X (Gọi tắt là Ngân hàng) do ông Hoàng Văn H trình bày: Ông được ủy quyền để tham gia tố tụng tại Tòa án theo Giấy uỷ quyền số 247/2019/UQ-NCB ngày 19/7/2019.

Giữa Ngân hàng với chị Nguyễn Thị Q và anh Dương Bảo M đã ký với nhau hợp đồng cho vay kiêm khế ước nhận nợ số 113/17/HĐCV-TGTTC-9385 ngày 08/12/2017. Theo hợp đồng, Ngân hàng đã giải ngân cho chị Q và anh M vay số tiền 99.000.000 đồng. Thời hạn vay 24 tháng kể từ ngày tiếp theo ngày giải ngân lần đầu tiên. Ngày giải ngân là ngày 08/12/2017. Lãi suất cố định là 14%/năm trong suốt thời gian nhận nợ. Kỳ hạn trả nợ gốc và lãi: 01 tháng/kỳ, trong vòng 24 kỳ. Ngày trả gốc và lãi vay đầu tiên là ngày 25/12/2017, các ngày trả gốc và lãi tiếp theo là ngày 25 hàng tháng. Mục đích vay là để bổ sung vốn lưu động kinh doanh mua bán quần áo may sẵn.

Khoản vay không có tài sản bảo đảm.

Sau khi vay, anh M và chị Q đã trả được 45.375.000 tiền gốc và 13.286.655 đồng tiền lãi. Khoản nợ đã chuyển quá hạn từ ngày 25/8/2018, Ngân hàng đã nhiều lần liên hệ yêu cầu anh M và chị Q trả tiền cho Ngân hàng nhưng không gặp được anh chị. Anh M và chị Q còn nợ Ngân hàng tổng số tiền cả gốc và lãi tạm tính đến ngày 17/12/2019 là 76.290.026 đồng (Trong đó tiền gốc là 53.625.000 đồng, lãi trong hạn là 14.912.787 đồng, lãi quá hạn là 7.752.239 đồng). Hiện nay anh M và chị Q không có mặt ở địa phương, anh chị làm gì và ở đâu thì Ngân hàng không nắm được.

Nay Ngân hàng giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, cụ thể là yêu cầu anh M và chị Q trả tổng số tiền cả gốc và lãi tạm tính đến ngày 17/12/2019 là 76.290.026 đồng (Trong đó tiền gốc là 53.625.000 đồng, lãi trong hạn là 14.912.787 đồng, lãi quá hạn là 7.752.239 đồng).

* Bị đơn là anh Dương Bảo M và chị Nguyễn Thị Q đã được triệu tập hợp lệ nhưng không đến Tòa án để làm việc.

* Đại diện Viện kiểm sát phát biểu:

1. Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử và của các đương sự trong quá trình giải quyết vụ án.

2. Đề nghị Hội đồng xét xử: Căn cứ các Điều 30, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự. Điều 357 của Bộ luật dân sự. Điều 95 của Luật các tổ chức tín dụng. Khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Xử:

- Buộc chị Nguyễn Thị Q và anh Dương Bảo M phải trả cho Ngân hàng số tiền còn nợ phát sinh từ hợp đồng cho vay kiêm khế ước nhận nợ số 113/17/HĐCV-TGTTTC-9385 ngày 08/12/2017 tạm tính đến ngày xét xử sơ thẩm (ngày 17/12/2019) là 76.290.026 đồng (Trong đó tiền gốc là 53.625.000 đồng, lãi trong hạn là 14.912.787 đồng, lãi quá hạn là 7.752.239 đồng).

- Về án phí: + Chị Nguyễn Thị Q và anh Dương Bảo M phải chịu 3.814.000 đồng án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm.

+ Hoàn trả Ngân hàng X số tiền tạm ứng án phí đã nộp 1.660.000 đồng tạm ứng án phí đã theo biên lai số AA/2016/0000538 ngày 22/8/2019 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố B, tỉnh Bắc Giang.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]- Về sự vắng mặt của các đương sự tại phiên tòa: Bị đơn là anh Dương Bảo M và chị Nguyễn Thị Q được triệu tập hợp lệ lần thứ 2 nhưng vắng mặt tại phiên tòa không có lý do. Do vậy Hội đồng xét xử áp dụng Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt đối với các đương sự này.

[2]- Về thẩm quyền và quan hệ pháp luật: Quan hệ tranh chấp giữa Ngân hàng X với là anh Dương Bảo M và chị Nguyễn Thị Q là quan hệ giữa pháp nhân với cá nhân có đăng ký kinh doanh, có mục đích lợi nhuận. Xác định đây là tranh chấp kinh doanh thương mại. Các bên đã không tự giải quyết được tranh chấp phát sinh, nguyên đơn đã làm đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết. Bị đơn có địa chỉ tại thành phố B. Do vậy Tòa án nhân dân thành phố B, tỉnh Bắc Giang thụ lý giải quyết là phù hợp với quy định của pháp luật được qui định tại các Điều 30, Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3]- Về yêu cầu khởi kiện: Ngân hàng X yêu cầu anh Dương Bảo M và chị Nguyễn Thị Q trả tổng số tiền gốc và tiền lãi theo hợp đồng cho vay kiêm khế ước nhận nợ số 113/17/HĐCV-TGTTC-9385 ngày 08/12/2017 tạm tính đến ngày xét xử sơ thẩm (17/12/2019) là 76.290.026 đồng (Trong đó tiền gốc là 53.625.000 đồng, lãi trong hạn là 14.912.787 đồng, lãi quá hạn là 7.752.239 đồng) thì thấy: Theo lời trình bày của đại diện theo ủy quyền của Ngân hàng và các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ có đủ cơ sở để xác định anh Dương Bảo M và chị Nguyễn Thị Q còn nợ của Ngân hàng số tiền cả gốc và lãi như Ngân hàng đã yêu cầu. Việc anh Dương Bảo M và chị Nguyễn Thị Q không thanh toán nợ cho Ngân hàng là vi phạm hợp đồng cho vay kiêm khế ước nhận nợ số 113/17/HĐCV-TGTTC-9385 ngày 08/12/2017 và Điều 95 của Luật các tổ chức tín dụng. Vì vậy yêu cầu của Ngân hàng về việc thanh toán nợ gốc và lãi ở trên là có căn cứ và cần được chấp nhận.

[4]- Về án phí: - Anh Dương Bảo M và chị Nguyễn Thị Q phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm theo quy định vì yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận.

- Hoàn trả Ngân hàng X tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 30, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự. Điều 357 của Bộ luật dân sự. Điều 95 của Luật các tổ chức tín dụng. Khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Xử:

1- Buộc chị Nguyễn Thị Q và anh Dương Bảo M phải trả cho Ngân hàng X số tiền còn nợ phát sinh từ hợp đồng cho vay kiêm khế ước nhận nợ số 113/17/HĐCV-TGTTC-9385 ngày 08/12/2017 tạm tính đến ngày xét xử sơ thẩm (ngày 17/12/2019) là 76.290.026 đồng (Trong đó tiền gốc là 53.625.000 đồng, lãi trong hạn là 14.912.787 đồng, lãi quá hạn là 7.752.239 đồng).

Kể từ ngày tiếp theo ngày Tòa án xét xử sơ thẩm, người phải thi hành án tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán theo mức lãi suất thỏa thuận trong hợp đồng cho vay kiêm khế ước nhận nợ số 113/17/HĐCV-TGTTC-9385 ngày 08/12/2017 cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc. Trường hợp trong Hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà người phải thi hành án

phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Toà án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

2- Về án phí: - Chị Nguyễn Thị Q và anh Dương Bảo M phải chịu 3.814.000 đồng án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm.

- Hoàn trả Ngân hàng X số tiền tạm ứng án phí đã nộp 1.660.000 đồng tạm ứng án phí đã theo biên lai số AA/2016/0000538 ngày 22/8/2019 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố B, tỉnh Bắc Giang.

3- Về quyền kháng cáo: Dương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Dương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tổng đạt bản án hoặc niêm yết bản án.

4- Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2- Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6; 7, 7a, 7b và 9- Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND T. Bắc Giang;
- VKS TP B,
- CCTHA dân sự TP. B
- Các đương sự,
- Lưu HS, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Phạm Thị Chuyên